

Market Today: Khối ngoại quay trở lại mua ròng sau 6 phiên bán

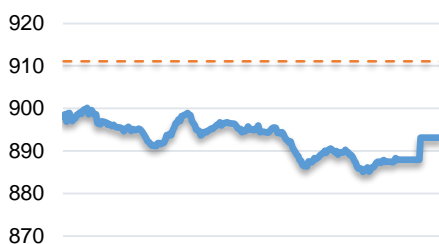
11/07/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

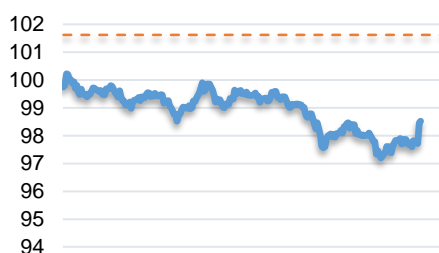
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	893.2	98.5	48.9
% ngày	-1.97	-3.05	-1.36
% tuần	-2.39	-1.47	-2.27
% tháng	-14.04	-16.83	-8.88
% năm	16.09	-1.89	-13.62
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	2,103.41	336.70	140.65
Hôm qua	2,244.99	541.41	123.43
TB 1 tháng	3,130.58	514.48	144.77
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	873.46	37.23	21.06
Bán	803.48	12.28	7.84
Giá trị ròng	69.98	24.95	13.22
Độ rộng TT			
Mã Tăng	50	37	59
Mã Giảm	233	95	87
Không Đổi	70	252	588
Chỉ số chính			
P/E	16.9x	10.5x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,893	193	816
LS Cổ tức	2.35	2.94	4.26

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau quyết định đánh thuế thêm 200 tỷ USD của Mỹ lên các mặt hàng Trung Quốc, sắc đỏ lan rộng từ phiên mở cửa đến khi đóng cửa ở toàn thị trường châu Á. Tại thị trường Việt Nam cũng có phiên giao dịch ảm đạm với các chỉ số trên cả 3 sàn đều giảm mạnh. Chỉ số VN-Index giảm 1.97% quay về mức 893.2 điểm, chỉ số HNX-Index giảm hơn 3% còn 98.5 điểm, chỉ số Upcom-Index giảm 1.36% đóng cửa tại 48.9 điểm.

Ngược với phiên giao dịch 10/07/2018, lực cầu tăng mạnh trong phiên ATC và chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn cho nên đã giảm thu hẹp về cuối phiên. Điểm tích cực trong phiên đó là thanh khoản của thị trường có phần cải thiện hơn so với phiên hôm qua và khối ngoại quay lại mua ròng với tổng giá trị lên đến hơn 100 tỷ trên toàn thị trường sau 6 phiên bán ròng liên tiếp.

Với đà giảm của các cổ phiếu nhóm ngành tài chính – ngân hàng, đặc biệt là HCM, TCB, VPB giảm sàn và hầu hết các cổ phiếu còn lại đều giảm trên 3% trong phiên đã kéo chỉ số VN-Index giảm mạnh. Đồng thời, dù có sự hỗ trợ của giá dầu thế giới tăng tuy nhiên dòng dầu khí vẫn đi xuống khi các mã đầu ngành như GAS, PVD, PVS suy yếu từ 1.5% trở lên. Ở chiều tăng, VIC tăng tốt 1.5%, nhờ giá trị vốn hóa lớn nên mức tăng này giúp cho thị trường tránh được mức giảm sâu hơn.

Tính từ đỉnh điểm ngày 09/04/2018 khi VN-Index đạt mức 1,200 điểm đến hiện nay. Top 5 mã có sự thay đổi giá ít và nhiều nhất trong danh sách 20 mã có vốn hóa lớn trên 02 sàn.

HOSE				HNX			
LEAST		MOST		LEAST		MOST	
MWG	1%	VPB	-60%	DGL	1%	SHB	-44%
SAB	-2%	BID	-47%	PHP	-6%	VGC	-36%
VNM	-16%	MBB	-44%	VNR	-7%	ACB	-34%
VIC	-24%	HPG	-42%	DL1	-11%	VCG	-34%
HDB	-28%	CTG	-41%	PVS	-21%	NTP	-31%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ cân bằng trở lại trong phiên giao dịch kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ hồi phục về mức 915 điểm. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật ngắn hạn, nếu đồ thị giá hồi phục trong 1 – 2 phiên giao dịch tới thì rủi ro ngắn hạn có thể sẽ giảm đáng kể. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là dòng tiền bắt đáy có dấu hiệu gia tăng dần, đặc biệt khối ngoại cũng giảm đáng kể lượng bán ròng và quay trở lại mua ròng trên cả hai sàn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức kháng cự của hệ thống ở mức 949.90 điểm của chỉ số VN-Index và 104.65 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài và theo dõi thêm diễn biến thị trường trong 1 – 2 phiên giao dịch tới.

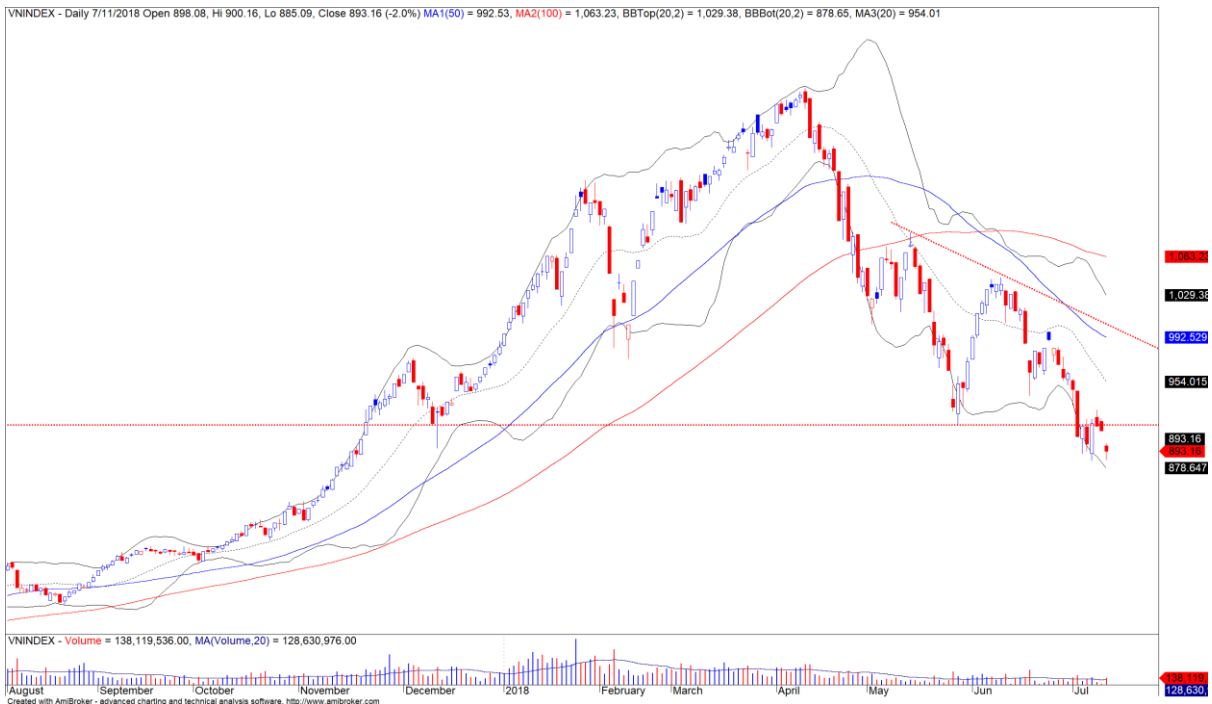
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 11% cổ phiếu/89% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	915.0	997.0	895.0	830.0
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	102.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.80	GIẢM	GIẢM		19.31				22.42		
ACB	31.90	GIẢM	GIẢM		34.76				46.17		
BFC	24.80	GIẢM	GIẢM		26.45				31.31		
BHN	83.10	GIẢM	GIẢM		91.26				130.07		
BID	22.10	GIẢM	GIẢM		25.09				35.23		
BMP	52.10	GIẢM	GIẢM		60.05				63.44		
BSR	15.90	GIẢM	TĂNG		19.44						
BVH	71.50	GIẢM	GIẢM		78.82				102.55		
BWE	16.00	GIẢM	GIẢM		17.24				19.72		
CEO	11.40	GIẢM	GIẢM		13.41				17.84		
CHP	22.60	GIẢM	GIẢM	24.65	22.63	-8.19%	BÁN		23.35		
CSM	12.90	GIẢM	TĂNG		14.27			14.80	12.77	-12.84%	
CTD	138.60	GIẢM	TĂNG		149.03			155.00	128.22	-10.58%	
CTG	20.90	GIẢM	GIẢM		23.55				31.58		
CTI	28.80	GIẢM	GIẢM		29.34				33.12		
CVT	22.60	GIẢM	GIẢM		25.32				33.98		
DGW	21.50	GIẢM	GIẢM		23.18			16.40	24.79	51.14%	BÁN
DHA	26.90	GIẢM	GIẢM		27.47				28.49		
DHC	39.50	GIẢM	GIẢM		43.12				46.93		
DHG	99.00	GIẢM	TĂNG		106.25			115.00	96.90	-13.91%	
DPG	45.90	GIẢM	GIẢM		53.98				62.77		
DPM	16.65	GIẢM	GIẢM		17.40				18.72		
DPR	38.20	GIẢM	GIẢM		39.80				42.17		
DQC	31.80	GIẢM	GIẢM		33.01				36.25		
DRC	21.75	GIẢM	GIẢM		23.80				23.95		
DXG	20.10	GIẢM	GIẢM		25.52			23.80	26.32	10.59%	BÁN
ELC	9.19	GIẢM	GIẢM		10.32				12.46		
FCN	15.20	GIẢM	TĂNG		17.13			17.70	13.88	-14.12%	
FIT	3.94	GIẢM	GIẢM		4.40				5.80		
FMC	19.70	GIẢM	GIẢM		21.14				24.44		
FPT	39.20	GIẢM	GIẢM		42.44				49.37		
GAS	77.80	GIẢM	GIẢM		85.02				111.01		
GIL	39.30	GIẢM	GIẢM		41.44			34.90	40.00	14.62%	
GMD	23.60	GIẢM	GIẢM		25.35				29.31		
GTN	8.41	GIẢM	GIẢM		9.19				11.18		
HAG	4.88	TĂNG	GIẢM	5.01	4.76	-2.59%			43.84		
HAX	16.60	GIẢM	GIẢM		17.02				18.67		
HBC	20.00	GIẢM	GIẢM		23.57			25.90	21.52	-16.91%	



We Create Fortune

HDB	32.80	GIẢM	GIẢM		37.11				44.56	
HNG	11.50	TĂNG	TĂNG	8.36	10.63	37.56%		8.20	10.80	40.24%
HPG	34.40	GIẢM	GIẢM		39.04			43.80	36.33	-17.06%
HSG	9.75	GIẢM	GIẢM		11.47				13.72	
HT1	11.00	GIẢM	GIẢM		11.64				13.92	
HUT	4.80	GIẢM	GIẢM		5.61				7.82	
HVN	30.20	GIẢM	GIẢM		32.49				40.09	
ITD	11.75	GIẢM	TĂNG		12.77			12.40	11.14	-5.24%
KBC	11.00	GIẢM	GIẢM		11.96				14.31	
KDH	29.00	GIẢM	GIẢM		30.68				35.78	
KSB	30.60	GIẢM	GIẢM		35.94				40.92	
LCG	9.00	GIẢM	GIẢM		9.61				10.40	
LIX	40.10	GIẢM	GIẢM		42.50				46.33	
LPB	10.20	GIẢM	GIẢM		11.29				14.25	
LSS	7.20	GIẢM	GIẢM		7.88				9.08	
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM		79.10				97.17	
MWG	101.00	GIẢM	GIẢM		111.87			121.00	104.78	-13.40%
NKG	13.15	GIẢM	GIẢM		15.24				18.17	
NLG	28.00	GIẢM	GIẢM		29.68				31.83	
NT2	30.20	TĂNG	GIẢM	29.80	28.70	1.34%			31.66	
NTL	9.37	GIẢM	TĂNG		9.88			10.45	8.94	-10.33%
NTP	42.00	GIẢM	GIẢM		45.96				56.63	
PAC	38.50	TĂNG	GIẢM	42.50	38.23	-9.41%			42.18	
PC1	31.60	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	-2.17%			34.50	
PDR	24.95	GIẢM	GIẢM		27.22				33.68	
PGC	14.30	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.35%			15.72	
PHR	19.85	GIẢM	GIẢM		20.56				25.95	
PLC	16.60	GIẢM	GIẢM		16.94				19.08	
PLX	54.00	GIẢM	GIẢM		59.21				71.25	
PNJ	82.50	GIẢM	GIẢM		89.12				119.11	
POW	11.70	GIẢM	TĂNG		12.79					
PPC	16.90	GIẢM	GIẢM		17.93				19.21	
PTB	54.90	GIẢM	GIẢM		59.02				67.24	
PVD	12.60	GIẢM	GIẢM		13.88				17.61	
PVI	28.80	GIẢM	GIẢM		29.82				34.16	
PVS	15.50	GIẢM	GIẢM		17.28				21.86	
PXS	4.80	GIẢM	GIẢM		5.09				6.43	
RAL	90.00	GIẢM	GIẢM		99.89				118.45	
REE	29.90	GIẢM	GIẢM		31.64				36.36	
SAB	220.00	GIẢM	TĂNG		232.56			252.40	207.41	-12.84%
SAM	6.80	GIẢM	GIẢM		7.12				7.88	
SBV	27.50	GIẢM	GIẢM		28.43				31.14	
SCR	7.88	GIẢM	GIẢM		8.60				11.11	



We Create Fortune

SHI	6.49	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-7.29%		6.99	5.88	-7.15%	
SJS	17.60	GIẢM	GIẢM		19.53				24.76		
SKG	18.10	GIẢM	GIẢM		19.79			20.60	19.70	-4.35%	BÁN
SSI	26.00	GIẢM	GIẢM		29.51				57.67		
STB	10.00	GIẢM	GIẢM		10.96				13.83		
SVC	42.00	GIẢM	GIẢM		46.21				51.89		
TCM	16.30	GIẢM	GIẢM		18.38				22.70		
TDH	12.10	GIẢM	GIẢM		14.13				15.78		
TLH	7.70	GIẢM	GIẢM		8.46				9.84		
TMT	6.85	GIẢM	GIẢM		7.39				8.98		
TNG	9.80	GIẢM	GIẢM		10.68				12.06		
TYA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.73				13.44		
VCB	51.20	GIẢM	GIẢM		57.92				64.41		
VFG	38.00	GIẢM	TĂNG		40.26			44.69	33.47	-14.97%	
VGC	16.50	GIẢM	GIẢM		19.30				26.55		
VIB	23.90	GIẢM	GIẢM		26.25				34.84		
VIC	104.50	GIẢM	GIẢM		110.19				109.53		
VIP	6.66	GIẢM	GIẢM		6.92			6.71	6.82	1.52%	BÁN
VJC	130.70	GIẢM	GIẢM		142.24				154.12		
VKC	6.00	GIẢM	TĂNG		6.46			6.80	5.68	-11.76%	
VNM	167.00	GIẢM	GIẢM		173.80				184.77		
VPB	25.90	GIẢM	GIẢM		28.96				33.19		
VRC	15.70	GIẢM	GIẢM		17.17				19.26		
VRE	35.70	GIẢM	GIẢM		40.10				48.95		
VSC	31.80	GIẢM	TĂNG		35.57			35.30	29.50	-9.92%	
VSH	16.35	GIẢM	GIẢM		17.38			17.40	16.36	-5.95%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	893.16	(1.97)
VN30	881.14	(1.87)
VN Mid	873.05	(2.14)
VN Small	769.63	(1.92)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	873.46	
Bán	803.48	
GT ròng	69.98	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVT	550	3.7%
FRT	2,000	2.8%
VHC	1,300	2.3%
CTI	500	1.8%
VIC	1,500	1.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HBC	(1,500)	-7.0%
TDH	(900)	-6.9%
DPG	(2,950)	-6.9%
TCB	(1,900)	-6.9%
VPB	(1,900)	-6.8%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	333,525	
VHM	293,953	
VNM	242,358	
VCB	184,206	
GAS	148,905	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	11.58	6.59
HAG	7.71	5.29
HPG	7.03	6.47
CTG	6.42	5.18
DXG	6.37	4.30

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	98.52	(3.05)
HN30	174.69	(2.45)
VNX AllSh	1,249.66	(2.11)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	37.23	
Bán	12.28	
GT ròng	24.95	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TV2	1,900	1.9%
VGC	300	1.9%
DBC	400	1.6%
VCS	300	0.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	(800)	-6.6%
ACB	(2,000)	-5.9%
HUT	(300)	-5.9%
SHB	(400)	-5.3%
VCG	(700)	-4.5%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	34,595	
VCS	13,488	
SHB	8,662	
VGC	7,398	
PVS	6,924	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	8.74	6.90
ACB	7.02	4.85
VGC	3.09	2.65
PVS	2.31	3.63
SHS	1.85	1.29

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	48.88	(1.36)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	21.06	
Bán	7.84	
GT ròng	13.22	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
QNS	900	2.3%
SSN	200	1.3%
LTG	100	0.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OIL	(900)	-6.2%
MSR	(1,100)	-5.7%
BSR	(800)	-5.3%
POW	(500)	-4.3%
VIB	(1,000)	-4.0%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	178,525	
MCH	46,212	
BSR	44,337	
HVN	37,296	
GVR	33,200	

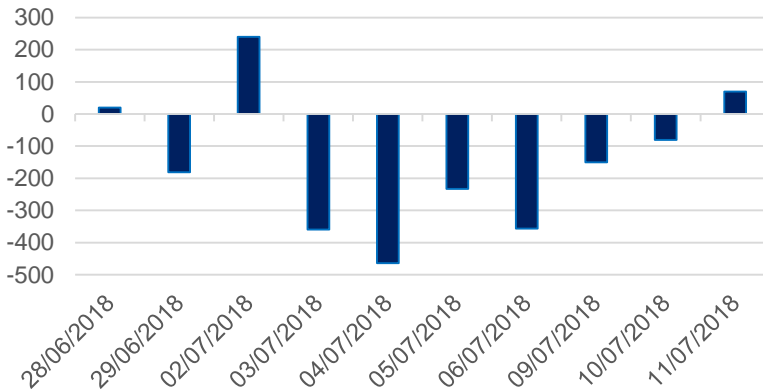
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
ART	3.40	0.35
BSR	2.22	1.15
LPB	1.39	1.26
POW	1.30	1.10
OIL	1.02	0.72

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

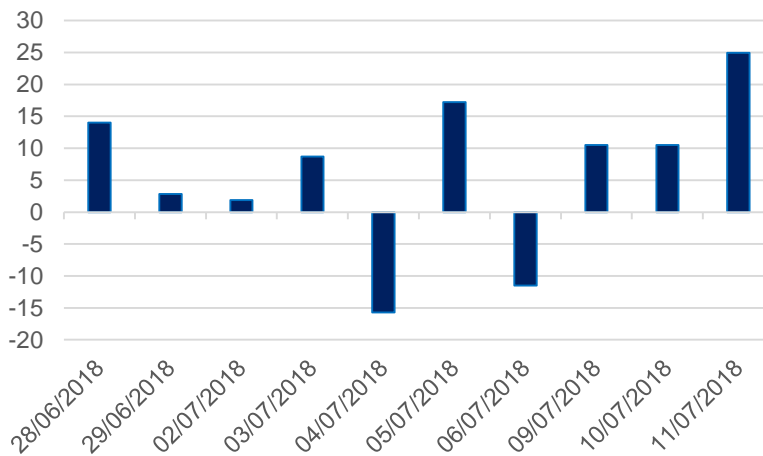
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
DXG	37,127	SSI	(24,968)
E1VFN30	26,757	MSN	(21,439)
GAS	20,012	BID	(19,047)
DHG	19,057	HPG	(14,809)
VRE	15,439	HDB	(13,363)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

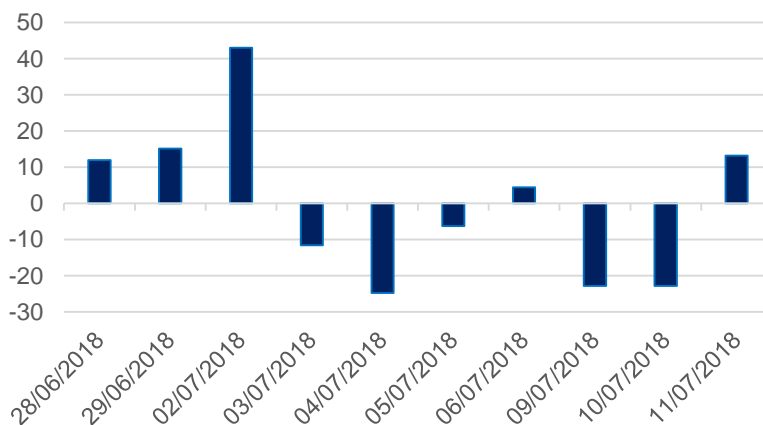
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	12,174	PVI	(7,845)
SHS	12,129	SD9	(236)
PVS	6,373	S55	(165)
DHT	774	TV3	(145)
SHB	563	LAS	(115)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HVN	6,402	BSR	(2,741)
LTG	3,897	OIL	(1,482)
POW	2,951	ART	(486)
QNS	2,134	SKH	(114)
VEA	1,051	HEC	(24)

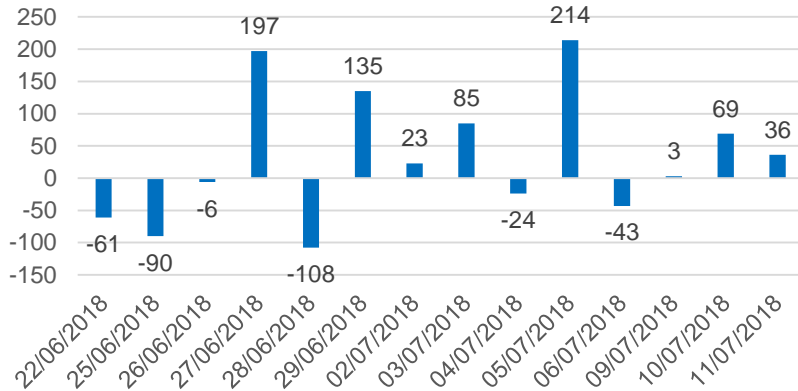
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

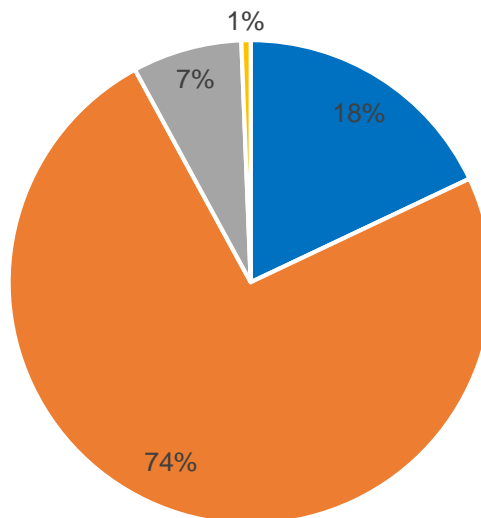


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
HPG	52,452	E1VFN30	26,762
VIC	7,238	MSN	13,424
MSN	7,027	VIC	7,725
VNM	6,694	VIC	1,789
CTD	5,519	TDG	1,312

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



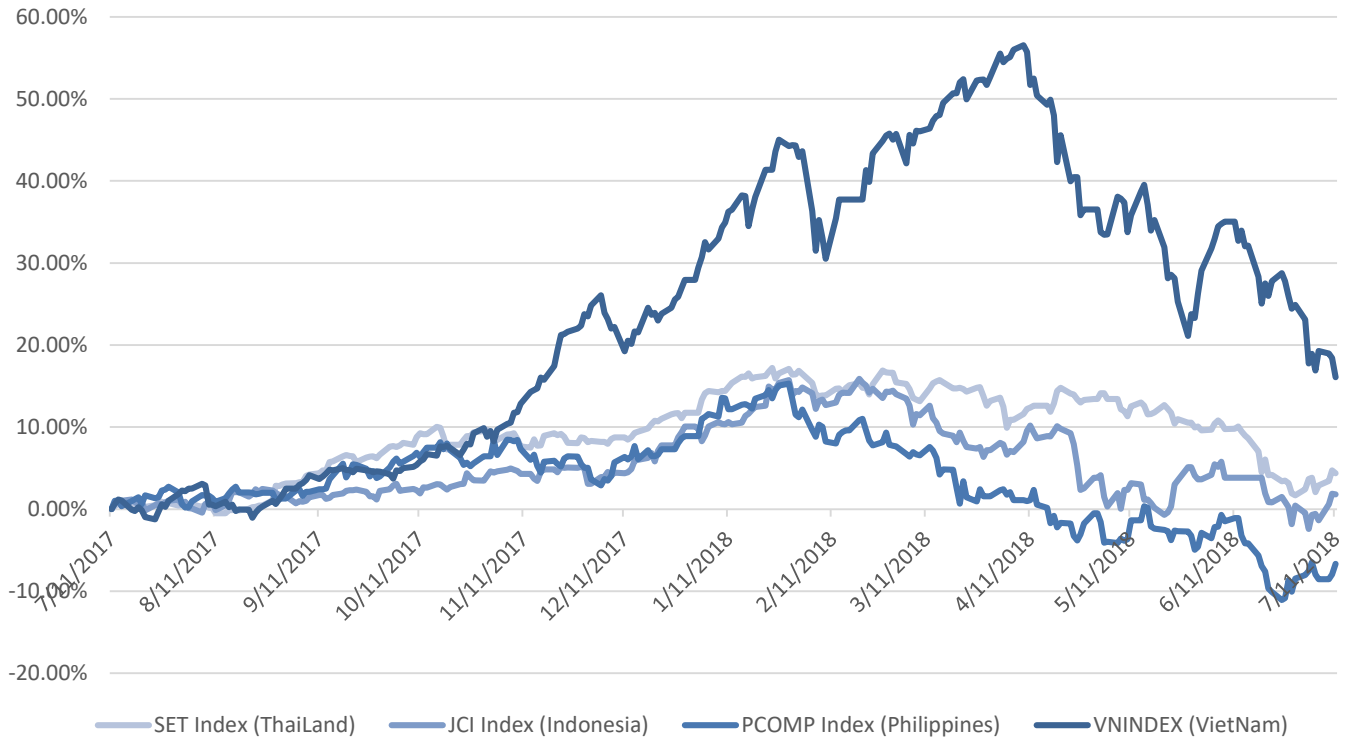
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

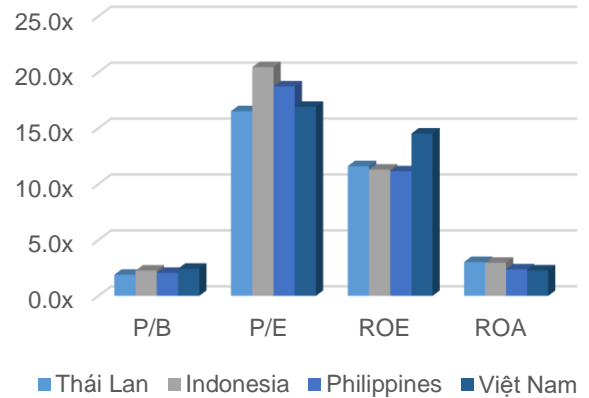
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.3x	2.1x	2.4x
P/E		16.5x	20.5x	18.7x	16.9x
ROE	%	11.60	11.29	11.14	14.51
ROA	%	3.03	2.97	2.37	2.27
Vốn hóa	Tỷ USD	497.27	461.53	168.82	125.55
GTGD	Triệu USD	1.43	0.43	0.06	0.09
LS cổ tức	%	3.14	2.32	1.71	2.35

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written